

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024
TRÌNH HĐND THỊ TRẤN LAI CÁCH**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 25 tháng 12 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND thị trấn Lai Cách.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Lưu Xuân Hình | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Thu Huyền | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hiên | Chức vụ: Công chức Văn phòng |

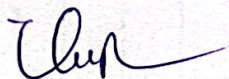
Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2024 trình HĐND thị trấn Lai Cách.

(Kèm theo Biểu số 103/CKTC-NSNN; Biểu số 104/CKTC-NSNN; Biểu số 105/CKTC-NSNN; Biểu số 106/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/12/2023 đến hết ngày 25/01/2024.

Biên bản được lập thành 02 bản, Niêm yết tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

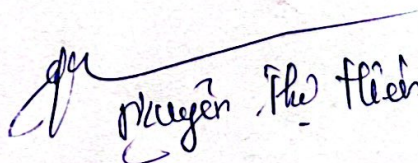


Phạm Thị Thu Huyền



Nguyễn Văn Minh

Các thành viên



**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	8.531.624.000	TỔNG SỐ CHI	7.583.343.600
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	40.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	150.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.426.000.000	II. Chi thường xuyên	7.433.343.600
III. Thu bổ sung	6.065.624.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.065.624.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		9.758.738.743		8.531.624.000		87,43
I	Các khoản thu 100%		541.733.952		40.000.000		7,38
1	Phí, lệ phí		26.899.000		25.000.000		92,94
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		463.840.000		5.000.000		1,08
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		5.594.301				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		45.400.651		10.000.000		22,03
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		2.644.493.035		2.426.000.000		91,74
1	Các khoản thu phân chia		1.143.711.079		1.061.000.000		92,77
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		524.252.076		505.000.000		96,33
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		56.400.000		56.000.000		99,29
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất		563.059.003		500.000.000		88,80
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.500.781.956		1.365.000.000		90,95

21	Thu tiền sử dụng đất		322.295.000		150.000.000		46,54
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng		780.450.215		790.000.000		101,22
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân		398.036.741		425.000.000		106,77
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		1.102.106.756				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.470.405.000		6.065.624.000		110,88
1	Thu bổ sung cân đối		4.551.036.000		6.065.624.000		133,28
2	Thu bổ sung có mục tiêu		919.369.000				0,00



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	10.806.856.000	5.000.000.000	5.806.856.000	7.583.343.600	150.000.000	7.433.343.600	70,17	3,00	128,01
	Trong đó:									
	Tạm ứng									
1	Chi giáo dục	3.500.000.000	3.500.000.000		150.000.000	150.000.000		4,29	4,29	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	500.000.000	500.000.000		0					
4	Chi văn hóa, thông tin	51.000.000		51.000.000	55.500.000		55.500.000	108,82		108,82
5	Chi phát thanh, truyền thanh	85.760.000		85.760.000	99.840.000		99.840.000	116,42		116,42
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	23.000.000		23.000.000	92,00		92,00
7	Chi bảo vệ môi trường	0								
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.221.086.000	1.000.000.000	5.221.086.000	6.717.365.600		6.717.365.600	107,98	0,00	128,66
10	Chi cho công tác xã hội	424.010.000		424.010.000	537.638.000		537.638.000	126,80		126,80
11	Chi khác									
12	Dự phòng									



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyet		Giá trị thực hiện đến 30/11/2023	Giá trị đã thanh toán 30/11/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Tổng số		14.993		14.559	9.115	150	150	150	
1. Công trình chuyển tiếp		14.993	0	14.559	9.115	150	150	150	
Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường MNTT thị trấn Lai Cách	2022-2023	14.993		14.559	9.115	150	150	150	
2. Công trình khởi công mới (Dự kiến)									